

Số: /TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Chuyên ngành đào tạo: Tiếng Việt: Kinh tế và Quản lý
(Tiếng Anh: *Economics and Management*)

Mã số chuyên ngành: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

Mã số đề xuất: 9310116.01QTD

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Văn bằng: Tiếng Việt: **Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý**
(Tiếng Anh: ***Doctor in Economics and Management***)

2. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

3. Thời gian đào tạo: 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ.

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 14 chỉ tiêu.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

3.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp

Chương trình Tiến sĩ Kinh tế và Quản lý có tính chất liên ngành, trong đó tập trung vào kinh tế hành vi và quản lý trong lĩnh vực kinh tế.

Đối tượng tuyển sinh thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên hoặc bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp với nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán.

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc bằng cử nhân tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên một số ngành thuộc nhóm ngành Quản lý – Quản trị, Chính sách công và phát triển với điều kiện các ngành/chuyên ngành này (kể cả các ngành/chuyên ngành thí điểm) phải thuộc lĩnh vực kinh tế.

- Trường hợp những ứng viên ngành/chuyên ngành Nhóm 1 và Nhóm 2 thuộc Phụ lục 1 cần phải hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định hiện hành.

- Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp được quy định tại **Phụ lục 1**.

Lưu ý: Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định của ĐHQGHN. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu của 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn Trường Quốc tế; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo

Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận (tham khảo tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo tiến sĩ (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

3.4. Điều kiện khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

b) Có đủ sức khỏe để học tập;

c) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Quốc tế;

d) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

4. Danh mục các chuyên ngành phù hợp (Phụ lục 1).

5. Tổ chức xét tuyển (dự kiến)

STT	Nội dung	Thời gian Đợt 2
1	Đăng ký dự thi	Từ 16/06/2025 đến 30/09/2025
2	Tổ chức xét tuyển	Trước 30/10/2025
3	Thông báo điểm	Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc kì thi
4	Nhập học	Trước 30/11/2025

6. Hồ sơ dự tuyển

Mỗi ứng viên nghiên cứu sinh chuẩn bị 02 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh theo mẫu có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (Mẫu số 1).

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn 6 tháng) (Mẫu số 2).

Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.

- Lý lịch khoa học (Mẫu số 3).

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận/Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

- Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ; Bằng, chứng chỉ ngoại ngữ. Giấy chứng nhận công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng,

Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

- Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp (Mẫu số 8).
 - Đề cương nghiên cứu (đóng quyển bìa xanh, nộp 05 bản) (Mẫu số 7).
 - Thư giới thiệu từ ít nhất một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu (Mẫu số 5).
 - Danh mục công trình khoa học đã công bố (Mẫu 6).
 - Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (Mẫu số 4).
 - Bản sao có công chứng Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn, kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi (nếu có).
 - Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
 - 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh và 02 phong bì có dán sẵn tem ghi rõ địa chỉ người nhận.
- Lưu ý:** Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

7. Đăng ký dự tuyển

Việc đăng ký dự tuyển được thực hiện theo hai bước:

Bước	Cách thức đăng ký	Đợt 2
1	Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học http://tssdh.vnu.edu.vn/ theo hướng dẫn *	Từ 8h00 ngày 16/06/2025 đến 17h00 ngày 30/9/2025
2	Nộp hồ sơ: - Người dự tuyển chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự (bản photo công chứng). - Địa điểm: Trường Quốc tế, Phòng 202, tầng 2, nhà G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.	

*Người dự tuyển đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự tuyển. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

Chú ý: Thí sinh đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>

Lệ phí dự tuyển: 1.500.000 đồng/thí sinh.

Người dự tuyển có thể chọn một trong hai cách sau:

Cách 1: Chuyển khoản từ Ngân hàng bất kỳ hoặc qua hệ thống Internet Banking phải thực hiện nội dung chuyển khoản như sau:

- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Số tài khoản: **1092 666 888**
- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)**
- Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ tên thí sinh, ngày sinh, ngành ứng tuyển**

Cách 2: Nộp tiền mặt khi nộp hồ sơ.

III. HỌC PHÍ

STT	Chương trình	Năm học 2025-2026 (VNĐ/năm học)	Năm học 2026-2027 (VNĐ/năm học)	Năm học 2027-2028 (VNĐ/năm học)
1	Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh	96.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Chương trình đào tạo bằng tiếng Việt	72.000.000	72.000.000	72.000.000

- Mức học phí này áp dụng cho chương trình đào tạo tối đa 03 năm;
- Mức học phí trên không bao gồm học phí các học phần bổ sung; bổ sung kiến thức; phí thi lại, phí học lại, phí gia hạn thời gian, phí bảo vệ lại luận án... (khi nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo).

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Phòng Truyền thông và Tuyển sinh: Tầng 2, nhà G7, Trường Quốc tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0243 672 0999/ 0984 08 11 66.

- Email: tuyensinh@vnuis.edu.vn

- Website: <https://www.is.vnu.edu.vn/>

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Website Trường Quốc tế;
- HĐTS SDH (để thực hiện);
- Lưu: VT, TT&TS, A3.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Thuận

Phụ lục 1

Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp

1. Ngành/chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:

Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế.

2. Ngành/chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:

Nhóm 1:

Nhóm ngành	Ngành/chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
Kinh tế học	- Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Kinh tế số	Bắt buộc: 1 học phần	3
		- Hành vi tổ chức & Lãnh đạo	3
		Tự chọn: 2/10 học phần	6
		- Môi trường kinh doanh quốc tế	3
		- Luật pháp trong kinh doanh quốc tế	3
		- Quản trị chiến lược quốc tế nâng cao	3
		- Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao	3
Kinh doanh	- Kinh doanh thương mại - Marketing - Thương mại điện tử - Phân tích dữ liệu kinh doanh	- Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	3
		- Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3
		- Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	3
Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	- Công nghệ tài chính - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Công nghệ tài chính và kinh doanh số	- Quản trị rủi ro quốc tế	3
		- Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu nâng cao	3
		- Quản trị tài chính quốc tế	3
Kế toán– Kiểm toán	- Kế toán - Kiểm toán		
Luật	- Luật kinh tế		
Tổng			9

Nhóm 2:

Nhóm ngành	Ngành/chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
Quản trị - Quản lý	- Chính sách công (trong lĩnh vực kinh tế) - Quản lý công (trong lĩnh vực kinh tế) - Hệ thống thông tin quản lý	Bắt buộc: 3 học phần	9
		- Hành vi tổ chức & Lãnh đạo	3
		- Phân tích kinh tế	3
		- Các phương pháp định lượng	3
		Tự chọn: 2/10 học phần	6
Khác	- Chính sách công và phát triển - Quản trị các tổ chức tài chính	- Môi trường kinh doanh quốc tế	3
		- Luật pháp trong kinh doanh quốc tế	3
		- Quản trị chiến lược quốc tế nâng cao	3
		- Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao	3
		- Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	3

	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	- Quản lí nhà nước về kinh tế nâng cao - Tăng trưởng phát triển & sự chuyển đổi kinh tế - Quản trị rủi ro quốc tế - Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu nâng cao - Quản trị tài chính quốc tế	3 3 3 3 3
Tổng			15

Phụ lục 2

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	Level 2	43-58	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	59-75	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú:

(*) Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

(*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Đại học Quốc gia Hà Nội không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

Phụ lục 3

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến tháng 02/2025).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Thương mại
2.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	20.	Học viện Khoa học Quân sự
3.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	21.	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	22.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
5.	Đại học Thái Nguyên	23.	Học viện Cảnh sát Nhân dân
6.	Trường Đại học Cần Thơ	24.	Đại học Bách Khoa Hà Nội
7.	Trường Đại học Hà Nội	25.	Trường Đại học Nam Cần Thơ
8.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26.	Trường Đại học Ngoại thương
9.	Trường Đại học Vinh	27.	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
10.	Trường Đại học Sài Gòn	28.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
11.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	29.	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
12.	Trường Đại học Trà Vinh	30.	Trường Đại học Lạc Hồng
13.	Trường Đại học Văn Lang	31.	Trường Đại học Đồng Tháp
14.	Trường Đại học Quy Nhơn	32.	Trường Đại học Duy Tân
15.	Trường Đại học Tây Nguyên	33.	Trường Đại học Phenikaa
16.	Học viện An ninh Nhân dân	34.	Học Viện Ngân hàng
17.	Học viện Báo chí Tuyên truyền	35.	Trường ĐH Tài chính – Marketing
18.	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)	36.	Trường ĐH Thành Đông

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL	PEIC	PTE Academic
1	Educational Testing Service (ETS)		√				
2	British Council (BC)	√			√		
3	International Development Program (IDP)	√					
4	Cambridge ESOL	√		√			
5	Pearson plc					√	√

Phụ lục 4
Danh mục định hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học
có thể hướng dẫn NCS năm 2025

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
1	Nghiên cứu thể chế đổi mới với phát triển kinh tế, vai trò của khoa học công nghệ với phát triển kinh tế, nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, mô hình tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu vùng kinh tế trọng điểm	GS. TS. Lê Quân PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Trần Quang Tuyến TS. Nguyễn Việt Cường TS. Tạ Huy Hùng PGS. TS. Đào Thanh Trường TS. Hoàng Văn Tuyên TS. Lê Hương Linh TS. Nghiêm Xuân Hòa TS. Đồng Văn Chung TS. Nguyễn Trà My	10
2	Nghiên cứu thị trường quốc tế, thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu, nghiên cứu tác động của hiệp định song phương và đa phương đến dòng vốn đầu tư quốc tế ở Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Nghiêm Xuân Hòa TS. Hoàng Việt Ngữ TS. Trần Thị Thu Hương TS. Trần Công Thành TS. Hồ Nguyên Như Ý	10
3	Nghiên cứu chính sách tài khóa, tài chính tiền tệ, nghiên cứu phát triển thị trường tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, các vấn đề quản trị tài chính, quản trị ngân hàng	PGS.TS. Nguyễn Văn Định PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú TS. Nguyễn Thị Kim Oanh TS. Đỗ Phương Huyền TS. Lê Thị Thu Hường GS.TS. Nguyễn Khương	10
4	Nghiên cứu về đầu tư nước ngoài, hoàn thiện định chế pháp lý, mô hình quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hoàn thiện	GS.TS. Lê Quân PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Đào Thanh Trường PGS.TS. Nguyễn Phương Mai TS. Tạ Huy Hùng PGS.TS. Trần Thị Oanh	5

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
	hệ thống thông tin trong quản lý, nghiên cứu thương mại điện tử	TS. Trương Thị Huệ	
5	Nghiên cứu những lý thuyết mới trong kinh doanh hiện đại, nghiên cứu xây dựng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, xu thế nhượng quyền thương mại, hành vi tiêu dùng, phát triển bền vững	PGS. TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Nguyễn Phương Mai TS. Trần Công Thành TS. Lê Thị Mai TS. Bùi Mỹ Trinh TS. Hồ Nguyên Như Ý	5
6	Hành vi tiêu dùng	PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Nguyễn Phương Mai TS. Trần Công Thành TS. Bùi Mỹ Trinh TS. Lê Thị Mai	4
7	Quản trị đại học	GS.TS. Lê Quân PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Đinh Văn Toàn PGS.TS. Nguyễn Phương Mai TS. Trương Thị Huệ	3
8	Văn hóa tổ chức, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển bền vững	PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Nguyễn Phương Mai PGS.TS. Lưu Thị Minh Ngọc PGS.TS. Đinh Văn Toàn TS. Trương Thị Huệ	4
9	Ứng dụng công nghệ trong quản lý, quản trị kinh doanh	PGS.TS. Trần Thị Oanh TS. Trương Công Đoàn TS. Hà Mạnh Hùng TS. Kim Đình Thái	